

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT MARIE CURIE
- TỔ NGOẠI NGỮ -

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH
CUỐI HỌC KỲ 1 - KHỐI 10
NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Cấu trúc bài thi:

STT	Nội dung	Hình thức	Yêu cầu	Số câu	NB	TH	VD
1.	Phonetics	Trắc nghiệm	Pronunciation: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others Stress: Choose the word whose position of stress differs from that of the others	2	2		
2.	Vocabulary	Trắc nghiệm	Choose the best answer to complete the sentence	5	4	1	
3.	Grammar	Trắc nghiệm	Choose the best answer to complete the sentence	5	4	1	
4.	Reading Comprehension 1	Trắc nghiệm	Read the passage and choose the best answer to each question	5	1	2	2
5.	Reading Comprehension 2	Trắc nghiệm	Read the passage and match the information with the appropriate paragraph	5		3	2
6.	Reading Comprehension 3	Trắc nghiệm	Read the academic notes below and choose the best answer to each question	2		1	1
7.	Guided Cloze Test	Trắc nghiệm	Choose the best answer to fill in each gap to complete the letter/story	4	2	1	1
8.	Sentence Sequencing	Trắc nghiệm	Choose the correct arrangement of the sentences (a-e) to make a meaningful letter/article/dialogue	2		1	1
9.	Listening comprehension 1	Trắc nghiệm	Listen to a dialogue and decide whether each statement below is TRUE or FALSE	5		3	2
10.	Listening comprehension 2	Trắc nghiệm	Listen to the recording and choose the best answer to each question	5		2	3
11.	Writing: Sentence Transformation	Tự luận	Rewrite the sentence using the given word. You cannot change the form of the given word.	5		3	2
12.	Writing: Error Correction	Tự luận	Read the passage and correct the mistakes in bold. Write your answer to the question next to each line.	5	2	2	1

MA TRẬN

TT	Kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ nhận thức						Tổng		
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
		Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ (%)	Số câu	Thời gian (phút)
1	Ngôn ngữ	15%	10	3%	2			18%	12	15
2	Nghe			7,5%	5	7,5%	5	15%	10	5
3	Đọc	6%	4	10,5%	7	10,5%	7	27%	18	25
4	Viết	4%	2	10%	5	6%	3	20%	10	15
Tổng		25%	16 câu	31%	19 câu	24%	15 câu	80%	50	60
5	Nói			14%		6%		20%		5
Tỉ lệ chung (%)		70				30		100		65

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	KIẾN THỨC /KỸ NĂNG	Chủ đề	Tiêu chí	Chỉ báo	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức					
					Biết		Hiểu		Vận dụng	
					TN	TL	TN	TL	TN	TL
I.	USE OF ENGLISH	- Topic TV programs and Weather - Social activities - Verbs of movement - In the street	1. Phonetics: Phân biệt được sự khác nhau về dấu nhấn hoặc các âm trong từ cho sẵn.	I.1.1. Xác định được vị trí dấu nhấn ở từ có 2 âm tiết.	1					
				I.1.2. Xác định được vị trí dấu nhấn ở từ có từ 3 âm tiết.	1					
			2. Vocabulary: Nhận biết các từ đơn trong cùng chủ đề và ngữ kết hợp các từ theo các chủ điểm đã học.	I.2.1. Nhận ra và nhớ lại được các từ vựng theo chủ đề đã học.	2					
				I.2.2. Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.			2			
				I.2.3. Hiểu được ngữ kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng.			1			

		- Past tenses - must vs have to - Comparative with intensifiers (much/ way) - Equal comparision - Quantifiers (some/ any/ a few/ a little/ much/ many)	3. Grammar: Nhận biết hình thái và cách sử dụng các điểm ngữ pháp đã học trong các ngữ cảnh khác nhau và trong các ngữ cảnh giao tiếp thông dụng.	I.3.1. Nhận biết hình thái các điểm ngữ pháp đã học.	2					
				I.3.2. Nhận biết các cách sử dụng thường gặp của các điểm ngữ pháp đã học.	2					
				I.3.3. Hiểu và sử dụng các điểm ngữ pháp đã học một cách chính xác trong bối cảnh giao tiếp.			1			
II.	LISTENING	- Talking about an advertisement - Talking about the weather - Talking about films and programmes	1. Nghe một đoạn hội thoại trong khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học.	II.1.1. Nghe hiểu được ý chính của đoạn hội thoại giữa hai người nói về các tình huống hằng ngày.					1	
				II.1.2. Hiểu các thông tin chi tiết, từ vựng và cấu trúc chính trong các đoạn hội thoại ngắn và đơn giản.	1		2			
				II.1.3. Xác định được các lập luận chính và cách dẫn dắt câu chuyện trong các đoạn hội thoại về các tình huống quen thuộc.					1	
			2. Nghe một đoạn độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 160 – 180 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.	II.2.1. Nghe và hiểu ý chính của đoạn nói về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày và công việc, nếu lời nói rõ ràng và có cấu trúc.					1	
				II.2.2. Hiểu được các chi tiết và thông tin cụ thể trong các bài nói chuẩn về các chủ đề quen thuộc, với ngữ điệu và tốc độ nói chuẩn			3			
				II.2.3. Hiểu được mục đích của người nói, xác định được các điểm quan trọng khi nghe các bài phát biểu có cấu trúc rõ ràng về các chủ đề phổ biến.					1	

III.	READING	- Films and programmes - Weather - Games and Health	1. Đọc hiểu được những ý chính, nội dung chi tiết của các văn bản về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.	III.1.1. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 150-180 từ.	2		1		2	
				III.1.2. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 180-200 từ.	1		2		2	
				III.1.3. Hiểu được ý chính, nội dung chi tiết về các chủ đề và nội dung mang tính thời sự quen thuộc trong các văn bản khoảng 200-250 từ.						
		- Informal letters of invitations	2. Đọc hiểu được những thông tin quan trọng trong các văn bản thường gặp trong cuộc sống.	III.2.1. Hiểu được những thông tin quan trọng trong các tờ thông tin quảng cáo thường nhật.						
				III.2.2. Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết và ngôn ngữ sử dụng trong thư tín và thư tay.	2		1		1	
				III.2.3. Hiểu được mạch lập luận của văn bản/đoạn hội thoại, xác định được các kết luận chính trong các văn bản có sử dụng ngôn ngữ rõ ràng.			1		1	
		- Dictionary entries - Learn this! - Strategies! ...	3. Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật cơ bản về các chủ đề đã học.	III.3.1. Hiểu được các ý chính, nội dung chi tiết các nội dung học thuật (mục từ trong từ điển, mục tham khảo về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng).			1			

				III.3.2. Vận dụng các nội dung kiến thức đã đọc để xác định câu/đoạn văn chính xác trong ngữ cảnh mới.					1	
IV.	WRITING	- Comparative - Superlative - mustn't and needn't/don't have to - enough/too - negative prefixes	1. Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước liên quan đến các chủ điểm đã học.	IV.1.1. Sử dụng từ gợi ý và các kiến thức ngữ pháp đã học để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.				3		
				IV.1.2. Sử dụng từ gợi ý và các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng đã học để viết lại câu thực hiện ít nhất hai chuyển đổi sao cho nghĩa không thay đổi.						2
		- Article about climate change	2. Đọc và điều chỉnh một đoạn văn bản mang tính thời sự hoặc thông dụng về các chủ đề đã học	IV.2.1. Vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng và cú pháp đã học để điều chỉnh lỗi sai trong các đoạn văn bản mang tính thời sự và quen thuộc.		2		2		1
		<i>Tổng từng phần</i>				14	2	14	5	12
TỔNG					16		19		15	